

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH  
**SỞ TƯ PHÁP**



**TÀI LIỆU**  
**QUY ĐỊNH VỀ TỐC ĐỘ,**  
**KHOẢNG CÁCH GIỮA CÁC XE**  
**THEO LUẬT TRẬT TỰ, AN TOÀN**  
**GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ NĂM 2024**  
**VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH**



Hà Tĩnh, tháng 01/2025

**Chấp hành quy định về tốc độ và khoảng cách giữa các xe theo Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024**

1) Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải chấp hành quy định về tốc độ, khoảng cách an toàn tối thiểu với xe phía trước cùng làn đường hoặc phần đường.

2) Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng lại để bảo đảm an toàn trong các trường hợp sau đây:

a) Tại nơi có vạch kẻ đường hoặc báo hiệu khác dành cho người đi bộ hoặc tại nơi mà người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường;

b) Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

c) Chuyển hướng xe chạy hoặc tầm nhìn bị hạn chế;

d) Nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường bộ, đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; đường hẹp, đường vòng, đường quanh co, đường đèo, dốc;

đ) Nơi cầu, cống hẹp, đập tràn, đường ngầm, hầm chui, hầm đường bộ;

e) Khu vực có trường học, bệnh viện, bến xe, công trình công cộng tập trung đông người, khu vực đông dân cư, chợ, khu vực đang thi công trên đường bộ, hiện trường vụ tai nạn giao thông đường bộ;

g) Có vật nuôi đi trên đường hoặc chặn thả ở ven đường;

h) Tránh xe đi ngược chiều hoặc khi cho xe đi phía sau vượt; khi có tín hiệu xin đường, tín hiệu khẩn cấp của xe đi cùng chiều phía trước;

i) Điểm dừng xe, đỗ xe trên đường bộ có khách đang lên, xuống xe;

k) Gặp xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng hóa nguy hiểm; đoàn người đi bộ;

l) Gặp xe ưu tiên;

m) Điều kiện trời mưa, gió, sương, khói, bụi, mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, vật liệu rơi vãi ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ;

n) Khu vực đang tổ chức kiểm soát giao thông đường bộ.

3) Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải bảo đảm tốc độ phù hợp điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn.

Tại những đoạn đường không bố trí biển báo tốc độ khai thác tối đa, không bố trí biển báo khoảng cách an toàn giữa hai xe, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải thực hiện theo quy định sau đây:



**(i) Tốc độ khai thác tối đa người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải thực hiện**

3.1. Tốc độ khai thác tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ (trừ đường cao tốc) (theo Điều 6 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

a) Tốc độ khai thác tối đa cho phép xe cơ giới (trừ các xe được quy định tại mục 3.2 và mục 3.3) tham gia giao thông trên đường bộ trong khu vực đông dân cư:

- Trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên: 60km/h

- Trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới: 50km/h

b) Tốc độ khai thác tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trên đường bộ ngoài khu vực đông dân cư:

- Đối với xe ô tô chở người đến 28 chỗ không kể chỗ của người lái xe (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải không lớn hơn 3,5 tấn: 90km/h trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên; 80km/h trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới.

- Đối với xe ô tô chở người trên 28 chỗ không kể chỗ người lái xe (trừ xe buýt); ô tô tải có trọng tải trên 3,5 tấn (trừ ô tô xi téc): 80km/h trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên; 70km/h trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới.

- Đối với xe buýt; ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc (trừ ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc xi téc); xe mô tô; ô tô chuyên dùng (trừ ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông lưu động): 70km/h trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên; 60km/h trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới.

- Đối với ô tô kéo rơ moóc; ô tô kéo xe khác; ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông lưu động, ô tô xi téc, ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc xi téc, ô tô kéo theo rơ moóc xi téc): 60km/h trên đường đôi; đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên; 50km/h trên đường hai chiều; đường một chiều có một làn xe cơ giới.

3.2. Tốc độ khai thác tối đa cho phép đối với xe máy chuyên dùng, xe gắn máy và các loại xe tương tự tham gia giao thông trên đường bộ (trừ đường cao tốc) (theo Điều 7 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải):

Xe máy chuyên dùng, xe gắn máy và các loại xe tương tự khi tham gia giao thông, tốc độ khai thác tối đa là 40 km/h.

3.3. Tốc độ khai thác tối đa cho phép đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tham gia giao thông trên đường bộ (trừ đường cao tốc) (theo Điều 8 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ khi tham gia giao thông trong phạm vi và thời gian cho phép hoạt động, tốc độ khai thác tối đa là 30 km/h.

- Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ khi tham gia giao thông trong phạm vi và thời gian cho phép hoạt động, tốc độ khai thác tối đa là 50 km/h.

3.4. Tốc độ khai thác tối đa, tốc độ khai thác tối thiểu cho phép đối với các loại xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trên đường cao tốc (theo Điều 9 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

- Tốc độ khai thác tối đa cho phép trên đường cao tốc là 120 km/h.

- Tốc độ khai thác tối thiểu cho phép trên đường cao tốc là 60 km/h. Trường hợp đường cao tốc có tốc độ thiết kế 60 km/h thì tốc độ khai thác tối thiểu thực hiện theo phương án tổ chức giao thông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**(ii) Khoảng cách an toàn giữa hai xe, người điều khiển phương tiện tham gia giao thông phải thực hiện (theo Điều 11 Thông tư số 38/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)**

3.1. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước cùng làn hoặc cùng

phần đường, cùng chiều xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn trị số ghi trên biển báo.

3.2. Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông trên đường:

a) Trong điều kiện mặt đường khô ráo, không có sương mù, mặt đường không trơn trượt, địa hình bằng phẳng, đường thẳng, tầm nhìn bảo đảm, khoảng cách an toàn ứng với mỗi tốc độ được quy định như sau:

Tốc độ lưu hành (V km/h)	Khoảng cách an toàn (m)
V = 60	35
60 < V ≤ 80	55
80 < V ≤ 100	70
100 < V ≤ 120	100

Khi điều khiển xe chạy với tốc độ dưới 60 km/h, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải chủ động giữ khoảng cách an toàn phù hợp với xe chạy liền trước xe của mình; khoảng cách này tùy thuộc vào mật độ phương tiện, tình hình giao thông thực tế để đảm bảo an toàn giao thông.

b) Trong điều kiện trời mưa, có sương mù, mặt đường trơn trượt, đường có địa hình quanh co, đèo dốc, tầm nhìn hạn chế, người lái xe phải điều chỉnh khoảng cách an toàn lớn hơn trị số ghi trên biển báo hoặc trị số được quy định tại điểm a mục này.

*Các nội dung trên được đăng tải tại website: [tuphap.hatinh.gov.vn](http://tuphap.hatinh.gov.vn). Mọi ý kiến đóng góp gửi về Sở Tư pháp theo địa chỉ: [sotuphap@hatinh.gov.vn](mailto:sotuphap@hatinh.gov.vn).*